

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tiến Toàn	Thành viên
Ông Đỗ Dương Quy	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên
Ông Dương Đức Tính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Vĩnh Hùng

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2026

Số: 032807/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 30 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2026-072-1
Hà Nội, Ngày 28 tháng 03 năm 2026

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.299.599.346	647.304.439.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	187.531.725.816	357.761.328.352
1. Tiền	111		26.531.725.816	16.261.328.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.000.000.000	341.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		264.310.000.000	615.332.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	5.332.500
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	264.310.000.000	610.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.753.526.538	287.346.855.795
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.275.158.315	7.482.871.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.552.591.942	4.696.369.512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	34.000.000.000	54.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	113.925.776.281	220.967.614.681
IV. Hàng tồn kho	140	V.11	31.821.472	55.975.773
1. Hàng tồn kho	141		31.821.472	55.975.773
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.672.525.520	1.524.947.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.041.952.748	1.060.504.199
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16a	1.630.572.772	464.443.371
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.059.645.055.790	1.061.555.426.166
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		154.350.000	154.350.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	154.350.000	154.350.000
II. Tài sản cố định	220		97.083.099.598	110.895.582.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	95.437.242.714	108.472.248.720
- Nguyên giá	222		281.383.804.018	266.129.238.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.946.561.304)	(157.656.989.307)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.645.856.884	2.423.333.524
- Nguyên giá	228		5.528.848.263	5.528.848.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.882.991.379)	(3.105.514.739)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.947.633.654	16.017.587.683
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	12.947.633.654	16.017.587.683
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		931.171.241.818	914.951.435.240
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	777.461.261.818	760.541.261.818
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	104.160.000.000	110.910.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	50.197.440.000	47.497.440.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(647.460.000)	(3.997.266.578)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.288.730.720	19.536.470.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	18.288.730.720	19.536.470.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.674.944.655.136	1.708.859.866.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.652.153.742	19.169.753.116
I. Nợ ngắn hạn	310		20.652.153.742	19.169.753.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1.227.829.305	2.503.107.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	15.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16b	2.980.946.008	1.809.226.985
4. Phải trả người lao động	314		10.631.635.372	10.246.122.164
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	496.896.333	698.685.765
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.290.846.724	3.897.610.575
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.654.292.501.394	1.689.690.113.040
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.654.292.501.394	1.689.690.113.040
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.102.723.680.000	1.102.723.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.102.723.680.000	1.102.723.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	164.537.981.018
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.085.461.763	9.085.461.763
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		377.945.378.613	413.342.990.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		134.862.070.259	198.679.566.477
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		243.083.308.354	214.663.423.782
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.674.944.655.136	1.708.859.866.156



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vinh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		80.303.273.671	77.607.404.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	80.303.273.671	77.607.404.369
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.059.890.849	50.713.741.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.243.382.822	26.893.662.473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	248.413.235.302	221.251.251.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(2.378.605.197)	(2.577.255.420)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		588.950.548	1.114.975.961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	35.514.612.982	34.102.814.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		244.931.659.791	215.504.378.815
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.265.837.012	1.128.691.944
12. Chi phí khác	32	VI.7	113.973.706	299.882.144
13. Lợi nhuận khác	40		2.151.863.306	828.809.800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		247.083.523.097	216.333.188.615
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.000.214.743	1.669.764.833
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		243.083.308.354	214.663.423.782



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	247.083.523.097	216.333.188.615
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	31.395.606.620	33.208.708.642
Các khoản dự phòng	03	(3.349.806.578)	(2.577.255.420)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(207.151)	(309.629)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(248.690.538.832)	(221.211.132.673)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.438.577.156	25.753.199.535
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.014.709.519	(9.008.121.418)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	24.154.301	55.842.748
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(750.114.089)	2.693.362.279
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.266.291.730	1.481.425.842
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.332.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.160.936.177)	(2.116.911.564)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.406.763.851)	(1.903.226.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.431.251.089	16.955.570.810
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.586.356.962)	(5.477.309.483)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	500.000.000	1.218.918.236
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(288.600.000.000)	(54.810.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.100.000.000	12.310.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(16.920.000.000)	(12.807.440.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	3.078.810.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	352.447.406.186	178.042.391.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.019.859.224	118.476.560.496
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(275.680.920.000)	(165.408.552.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(275.680.920.000)	(165.408.552.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(170.229.809.687)	(29.976.420.694)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	357.761.328.352	387.737.439.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	207.151	309.629
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	187.531.725.816	357.761.328.352



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Công ty có trụ sở tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.102.723.680.000 đồng (Một nghìn một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải; Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hóa kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
8	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ vận tải cho các đơn vị dưới thương hiệu Etruck.

Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 53 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 64 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty/Doanh nghiệp có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)**

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện, vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	04 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	573.841.923	1.678.055.973
Tiền gửi ngân hàng	25.957.883.893	14.583.272.379
Các khoản tương đương tiền (*)	161.000.000.000	341.500.000.000
Cộng	187.531.725.816	357.761.328.352

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất từ 3,9%/năm đến 4,5%/năm.

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	264.310.000.000	610.000.000
Cộng	264.310.000.000	610.000.000

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.554.648.085	2.864.700.087
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.544.447.560	1.864.284.568
Công ty TNHH Dịch vụ kho vận ALS	1.369.777.376	1.433.796.952
Phải thu khách hàng khác	1.806.285.294	1.320.089.995
Cộng	8.275.158.315	7.482.871.602
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	7.769.418.543	7.176.281.830

(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1 - Bên liên quan)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	1.927.561.000	1.927.561.000
Công ty Cổ phần PCCC và Thương mại Dịch vụ HTP	2.011.889.142	1.899.560.500
Các nhà cung cấp khác	613.141.800	869.248.012
Cộng	4.552.591.942	4.696.369.512

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	-	43.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS (i)	14.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngôi Sao Xanh (ii)	-	900.000.000
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà (iii)	20.000.000.000	-
Cộng	34.000.000.000	54.200.000.000
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan	34.000.000.000	53.300.000.000

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

- (i) Khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐ/2024/ALS-ALSI ngày 25/06/2024 số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 4,2%/năm. Mục đích vay để tài trợ ngắn hạn cho Dự án Cụm Công nghiệp Ngô Quyền trong thời gian chưa đủ điều kiện nhận giải ngân từ tổ chức tín dụng và cân đối dòng tiền, đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân đợt 1. Khoản vay được giải ngân theo 2 đợt: đợt 1 giải ngân 5.000.000.000 đồng trong tháng 6/2024; đợt 2 giải ngân 5.000.000.000 đồng trong tháng 9/2024. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 24/06/2025, gia hạn thêm 12 tháng tương ứng với từng đợt giải ngân. Theo đó khoản giải ngân đợt 1 số tiền 5.000.000.000 đồng sẽ được gia hạn đến tháng 06/2026, khoản giải ngân đợt 2 số tiền 5.000.000.000 đồng sẽ được gia hạn đến tháng 08/2026.

Hợp đồng cho vay tiền số 02/HĐ/2025/ALS-ALSI ngày 25/12/2025 số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay được giải ngân đợt 1 theo giấy nhận nợ lần 1 số 01.02/2025/GNN/ALS-ALSI số tiền 4.000.000.000 đồng.

- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngôi Sao Xanh vay theo Hợp đồng vay số 01/2024/HĐV/ALS-BSC ngày 12/01/2024 số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để đầu tư kinh doanh, phù hợp với mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và theo quy định của pháp luật. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 15/01/2024. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Khoản cho vay được gia hạn tới ngày 31/08/2025 theo Phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 12/01/2025.
- (iii) Hợp đồng số 01/HĐ/2025/ALS-KVH ngày 25/2/2025 giữa Công ty Cổ phần Logistics Hàng không và Công ty Cổ phần Khang Việt Hà số tiền 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày giải ngân, với lãi suất 5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động trong quá trình triển khai dự án khu kinh doanh tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang chuyển hàng hóa và các dịch vụ Logistics. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 1.497.000 cổ phần của các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Khang Việt Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	63.032.000.000	65.614.887.880
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	25.000.000	15.000.000
Phải thu khác	50.868.776.281	155.337.726.801
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.791.824.855	762.384.301
- Lãi dự thu về cho vay	1.412.712.332	399.191.661
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)	41.294.261.573	41.294.261.573
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	108.108.000.000
- Các khoản thu khác	4.369.977.521	4.773.889.266
Cộng	113.925.776.281	220.967.614.681
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	154.350.000	154.350.000
Cộng	154.350.000	154.350.000
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	42.861.323.905	149.869.008.834

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

- (*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được thực hiện theo Hợp đồng đặt cọc số 50/HĐĐC/ILS-ALS ngày 26/01/2017. Mục đích đặt cọc để đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh với diện tích 29.802 m² tại dự án ICD xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị đặt cọc theo hợp đồng là 71.041.640.000 đồng. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.703,85 tỷ đồng. Trong đó, giá trị chưa bao gồm hạng mục trên đất của dự án là 422.810.325.000 đồng. Giá trị đặt cọc theo hợp đồng được xác định dựa trên tỷ lệ diện tích khu vực kinh doanh Công ty muốn thuê lâu dài so với tổng diện tích đất sử dụng của dự án. Thời hạn đặt cọc từ ngày 26/01/2017 đến khi 2 bên ký kết hợp đồng cho thuê lâu dài khu vực khai thác kinh doanh.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	13.296.137
Chi phí bảo hiểm	72.825.080	93.680.281
Chi phí trả trước khác	969.127.668	953.527.781
Cộng	1.041.952.748	1.060.504.199
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	157.550.658	160.368.301
Quyền sử dụng đất	16.679.637.487	17.232.553.647
Chi phí trả trước khác	1.451.542.575	2.143.549.051
Cộng	18.288.730.720	19.536.470.999

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.528.848.263	5.528.848.263
Số dư cuối năm	5.528.848.263	5.528.848.263
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	3.105.514.739	3.105.514.739
Hao mòn trong năm	777.476.640	777.476.640
Số dư cuối năm	3.882.991.379	3.882.991.379
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	2.423.333.524	2.423.333.524
Tại ngày cuối năm	1.645.856.884	1.645.856.884

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 38.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.000.000 đồng).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại Thị xã Mỹ Hòa và Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án cải tạo Nhà kho E10, E11+E5 khu 4,3 ha	-	3.069.954.029
Dự án Nhà ở xã hội - Đông Anh	2.010.286.136	2.010.286.136
Dự án Phát triển phần mềm E-office	1.551.636.000	1.551.636.000
Dự án khác	1.044.363.033	1.044.363.033
Cộng	12.947.633.654	16.017.587.683

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	197.490.790.213	51.939.282.137	8.095.363.763	291.700.908	8.312.101.006	266.129.238.027
Mua trong năm	-	-	4.301.960.000	-	-	4.301.960.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	13.354.350.991	-	-	-	-	13.354.350.991
Thanh lý, nhượng bán	-	(59.760.000)	(2.341.985.000)	-	-	(2.401.745.000)
Số dư cuối năm	210.845.141.204	51.879.522.137	10.055.338.763	291.700.908	8.312.101.006	281.383.804.018
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	112.044.631.915	37.801.906.089	4.681.035.086	112.014.166	3.017.402.051	157.656.989.307
Khấu hao trong năm	23.373.368.327	5.817.417.448	1.050.779.193	41.804.545	334.760.467	30.618.129.980
Thanh lý, nhượng bán	-	(59.760.000)	(2.268.797.983)	-	-	(2.328.557.983)
Số dư cuối năm	135.418.000.242	43.559.563.537	3.463.016.296	153.818.711	3.352.162.518	185.946.561.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	85.446.158.298	14.137.376.048	3.414.328.677	179.686.742	5.294.698.955	108.472.248.720
Tại ngày cuối năm	75.427.140.962	8.319.958.600	6.592.322.467	137.882.197	4.959.938.488	95.437.242.714

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 55.698.325.951 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.686.479.661 đồng).

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.729.811	-	22.757.112	-
Công cụ, dụng cụ	10.304.000	-	15.939.000	-
Hàng hoá	5.787.661	-	17.279.661	-
Cộng	31.821.472	-	55.975.773	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	16.500.000.000	-	-	16.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	21.175.000.000	-	-	21.175.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	150.150.000.000	-	-	150.150.000.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	292.693.228.485	-	-	292.693.228.485	-	-
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	69.989.700.000	-	-	59.969.700.000	-	-
Công ty TNHH Giải pháp TNG	26.953.333.333	-	-	20.053.333.333	-	-
Cộng	777.461.261.818	-	-	760.541.261.818	-	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000	-	-	97.200.000.000	-	(2.698.510.853)
Công ty Cổ phần ALS SDS	6.960.000.000	-	-	6.960.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	-	-	-	6.750.000.000	-	(1.298.755.725)
Cộng	104.160.000.000	-	-	110.910.000.000	-	(3.997.266.578)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	47.497.440.000	75.555.922.000	-	47.497.440.000	81.333.727.800	-
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	2.700.000.000	2.052.540.000	(647.460.000)	-	-	-
Cộng	50.197.440.000	77.608.462.000	(647.460.000)	47.497.440.000	81.333.727.800	-

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH phát triển thương mại và đầu tư xây dựng Thăng Lợi	637.986.508	637.986.508	478.526.912	478.526.912
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Kho vận Thế Kỷ	129.952.986	129.952.986	131.630.054	131.630.054
Các đối tượng khác	459.889.811	459.889.811	1.892.950.661	1.892.950.661
Cộng	1.227.829.305	1.227.829.305	2.503.107.627	2.503.107.627
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	42.999.538	42.999.538	52.207.058	52.207.058

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	135.757.736	3.737.796.403	3.744.418.631	129.135.508
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.494.815.036	5.031.271.936	3.871.764.763	335.307.863
Cộng	1.630.572.772	8.769.068.339	7.616.183.394	464.443.371
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	471.322.742	6.964.412.527	6.632.551.937	139.462.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.509.043.399	4.000.214.743	3.160.936.177	1.669.764.833
Thuế thu nhập cá nhân	579.867	12.698.751.407	12.698.171.540	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	2.980.946.008	23.663.378.677	22.491.659.654	1.809.226.985

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải trả khác:	496.896.333	698.685.765
- Cổ tức phải trả	-	332.169.500
- Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	255.000.000	255.000.000
- Các khoản khác	241.896.333	111.516.265
Cộng	496.896.333	698.685.765

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.102.723.680.000	164.537.981.018	9.085.461.763	366.588.118.477	1.642.935.241.258
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	214.663.423.782	214.663.423.782
Chia cổ tức	-	-	-	(165.408.552.000)	(165.408.552.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư đầu năm nay	1.102.723.680.000	164.537.981.018	9.085.461.763	413.342.990.259	1.689.690.113.040
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	243.083.308.354	243.083.308.354
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(275.680.920.000)	(275.680.920.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.102.723.680.000	164.537.981.018	9.085.461.763	377.945.378.613	1.654.292.501.394

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 21 tháng 05 năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 ngày 10 tháng 10 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.102.723.680.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	110.194.010.000	9,99%	110.194.010.000	9,99%
Ông Nguyễn Minh Tuấn	103.867.790.000	9,42%	-	0,00%
Bà Vũ Thị Phương Dung	69.119.770.000	6,27%	-	0,00%
Các cổ đông khác	819.542.110.000	74,32%	992.529.670.000	90,01%
Cộng	1.102.723.680.000	100%	1.102.723.680.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	110.272.368	110.272.368
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	110.272.368
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.272.368	110.272.368
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	110.272.368

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.303.273.671	77.607.404.369
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.303.273.671	77.607.404.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.303.273.671	77.607.404.369
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	76.149.066.671	73.522.231.919
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.059.890.849	50.713.741.896
Cộng	50.059.890.849	50.713.741.896

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.082.100.661	11.360.693.451
Cổ tức lợi nhuận được chia	230.300.266.750	209.890.247.954
Lãi chênh lệch tỷ giá	207.151	309.629
Doanh thu tài chính khác	30.660.740	-
Cộng	248.413.235.302	221.251.251.034

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí chuyển nhượng cổ phiếu	971.201.381	-
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(3.349.806.578)	(2.577.255.420)
Cộng	(2.378.605.197)	(2.577.255.420)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.160.015.775	23.429.197.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.059.556	194.816.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.705.821.315	1.599.218.237
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	493.075.012	520.382.079
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.503.254.209	2.915.208.721
Chi phí bằng tiền khác	6.519.387.115	5.439.991.337
Cộng	35.514.612.982	34.102.814.151

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý Tài sản cố định	381.358.438	1.092.264.500
Tiền bồi thường	1.878.001.474	-
Các khoản thu khác	6.477.100	36.427.444
Cộng	2.265.837.012	1.128.691.944

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp	113.973.706	126.248.420
Các khoản chi khác	-	173.633.724
Cộng	113.973.706	299.882.144

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	247.083.523.097	216.333.188.615
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	229.267.612.229	210.241.766.753
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	230.300.266.750	209.890.247.954
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.032.654.521)	351.518.799
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.185.162.849	2.257.402.302
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.680.000.000	1.680.000.000
- Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp,	113.973.706	126.248.420
- Chi phí khấu hao vượt 1,6 tỷ	192.676.757	141.868.428
- Chi phí không được trừ	198.512.386	309.285.454
Thu nhập chịu thuế	20.001.073.717	8.348.824.164
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	4.000.214.743	1.669.764.833
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.000.214.743	1.669.764.833

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Công ty con
Công ty TNHH Giải pháp TNG	Công ty con
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ALS SDS	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
a. Bán hàng	76.149.066.671	73.522.231.919
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	16.152.969.538	12.275.144.156
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	5.051.256.609	3.451.408.916
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	3.424.707.875	3.285.493.327
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	48.936.827.340	52.918.247.367
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	2.152.700.489	1.177.891.666
Công ty TNHH Giải pháp TNG	191.700.000	151.141.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	238.904.820	238.904.820
Công ty Cổ phần ALS SDS	-	24.000.000
b. Mua hàng	9.448.103.713	2.381.433.655
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.200.025.634	2.366.490.141
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	6.248.078.079	14.943.514
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	-	-
c. Cho vay	24.000.000.000	53.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	4.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	-	43.300.000.000
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	20.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
d. Lãi vay nhận được	1.221.890.411	50.630.136
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	-	50.630.136
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	1.221.890.411	
e. Cổ tức nhận được	338.408.266.750	101.782.247.954
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	270.270.000.000	54.054.000.000
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	16.500.000.000	29.700.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	18.990.886.750	7.727.447.954
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	13.132.500.000	4.202.400.000
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	19.514.880.000	6.098.400.000
g. Thanh lý Tài sản cố định	-	2.061.182.736
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	-	2.061.182.736
h. Hoàn trích dự phòng đầu tư	2.698.510.853	3.876.011.145
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	2.698.510.853	3.876.011.145

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.769.418.543	7.176.281.830
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	3.554.648.085	2.864.700.087
Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	1.544.447.560	1.864.284.568
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	1.369.777.376	1.433.796.952
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	780.392.075	687.107.244
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	439.017.146	231.854.153
Công ty Cổ phần ALS SDS	-	24.000.000
Công ty TNHH Giải pháp TNG	16.632.000	4.840.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	64.504.301	65.698.826
Phải trả người bán ngắn hạn	42.999.538	52.207.058
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	39.107.357	50.808.458
Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	3.892.181	1.398.600
Phải thu ngắn hạn khác	42.706.973.905	149.714.658.834
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	-	108.108.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	41.294.261.573	41.466.275.272
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	563.397.262	140.383.562
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	849.315.070	-
Cầm cố, ký quỹ dài hạn	154.350.000	154.350.000
Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	154.350.000	154.350.000
Phải thu về cho vay	34.000.000.000	53.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	14.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	20.000.000.000	43.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.920.000.000	1.920.000.000
Cộng	1.920.000.000	1.920.000.000

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh. doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2026